

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 18-06-2026

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Công Điện
- Ông Nguyễn Văn Dương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Yến Nhi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

Ngày 18 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2026 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 05 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 145/2026/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 06 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Mỹ K, sinh năm 2000; Địa chỉ: ấp N, xã N, thành phố Cần Thơ. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. **Bị đơn:** Anh Trần Thanh T, sinh năm 1993; Địa chỉ: ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ K và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ K và anh Trần Thanh T tự nguyện kết hôn và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh

Cần Thơ cũ vào năm 2020. Trong thời gian chung sống cả hai xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dù đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn nhưng không thành. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Lê Thị Mỹ K yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trần Thanh T; Về con chung, trong thời kì hôn nhân cả hai có hai người con chung tên Trần Thanh H, sinh ngày 05/01/2019 (giới tính nam) và Trần Lê Kiều N, sinh ngày 07/8/2024 (giới tính nữ). Khi ly hôn chị K thống nhất giao cháu Trần Thanh H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu Trần Lê Kiều N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh T không có văn bản trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn cư trú xã P, thành phố Cần Thơ, do đó Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Lê Thị Mỹ K và anh Trần Thanh T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Cần Thơ vào năm 2020. Việc kết hôn của anh chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình chung sống, chị K cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù, đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn nhưng không đạt kết quả, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không thể hiện thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn

nhau. Tuy nhiên, qua lời trình bày của nguyên đơn và diễn biến tố tụng trong vụ án cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh T đã kéo dài, đời sống chung không còn hạnh phúc, các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh T không tham gia tố tụng để thể hiện ý chí đoàn tụ, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa các bên đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Mỹ K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung:

Chị K và anh T có hai người con chung là cháu Trần Thanh H, sinh ngày 05/01/2019 và cháu Trần Lê Kiều N, sinh ngày 07/8/2024.

Đối với cháu Trần Thanh H, hiện đã trên 07 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cháu H có nguyện vọng được sống chung với anh Trần Thanh T. Đồng thời, chị K cũng thống nhất giao cháu H cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của cháu H, bảo đảm sự ổn định trong cuộc sống, học tập và sinh hoạt của cháu nên cần được chấp nhận.

Đối với cháu Trần Lê Kiều N, sinh ngày 07/8/2024, hiện chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện chị K không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó, việc giao cháu Trần Lê Kiều N cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Thanh H cho anh Trần Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Trần Lê Kiều N cho chị Lê Thị Mỹ K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc có quyết định khác của Tòa án.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng đối với cháu Trần Lê Kiều N và cũng không yêu cầu anh T phải nhận cấp dưỡng đối với cháu Trần Thanh H; đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái quy định pháp luật và không ảnh hưởng đến quyền lợi của các con chung nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung; bị đơn không có ý kiến khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí:

Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Lê Thị Mỹ K được ly hôn với bị đơn anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Mỹ K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Trần Lê Kiều N, sinh ngày 07/8/2024 (giới tính nữ); Anh Trần Thanh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Trần Thanh H, sinh ngày 05/01/2019 (giới tính nam); Về cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Lê Thị Diễm M và anh Trần Thanh T, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000537 ngày 10 tháng 01 năm 2026 của T1 hành án Dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 13-Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần
Thơ;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký
kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu